

ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CÔNG TÁC ĐÒN ĐIỀN ĐỔI THỬA TẠI HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

Phạm Thanh Quế, Nguyễn Bá Long, Nguyễn Thị Kiều Oanh

ThS. Trường Đại học Lâm nghiệp

TÓM TẮT

Đồn điền đổi thửa là chủ trương lớn của Nhà nước nhằm giải quyết tình trạng manh mún đất đai. Công tác đồn điền, đổi thửa đã được thực hiện ở rất nhiều địa phương trên cả nước. Trên địa bàn huyện Thái Thụy công tác này đã được thực hiện từ những năm 2002, tuy nhiên hiệu quả chưa đạt được như yêu cầu. Đến năm 2011, cùng với việc thực hiện các chỉ tiêu phát triển nông thôn mới, việc đồn điền đổi thửa tiếp tục được thực hiện trên địa bàn toàn huyện. Sau đồn điền đổi thửa số thửa/hộ giảm từ 4,5 thửa/hộ xuống 1,4 thửa/hộ, diện tích/ thửa tăng từ 463m² lên 1650m²; hệ thống giao thông, thủy lợi nội đồng được quy hoạch đảm bảo các thửa ruộng đều tiếp giáp với trục giao thông; số gia trại sau đồn đổi theo tiêu chí nông thôn mới tăng lên, tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất và giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

Từ khóa: *Chuyển đổi đất nông nghiệp, đồn điền đổi thửa, đất đai, đất nông nghiệp, sản xuất nông nghiệp*

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nghị định 64/1993/NĐ - CP ngày 27 tháng 9 năm 1993, đã tạo nên động lực mới trong sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, với quan điểm khi chia ruộng là “có gần, có xa, có xấu, có tốt, có cao, có vùn” nhằm công bằng giữa các hộ dân, gây ra tình trạng ruộng đất manh mún. Có quá nhiều thửa ruộng với diện tích thửa nhỏ gây khó khăn trong việc ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, cơ giới hóa đồng ruộng.

Xuất phát từ yêu cầu thực tế của sản xuất nông nghiệp là cần tích tụ đất đai tạo ra vùng sản xuất hàng hóa có chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của thị trường và nâng cao hiệu quả sử dụng đất, nhiều địa phương đã thực hiện chính sách đồn điền, đổi thửa và được người dân đồng tình ủng hộ. Phong trào đồn điền, đổi thửa những năm trước đã có hiệu quả nhất định nhưng còn chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển một vùng sản xuất hàng hóa lớn.

Với Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020. Trong đó, đồn điền, đổi thửa là một phần quan trọng. Đồn điền, đổi thửa theo tiêu chí nông thôn mới mà Đảng và Nhà nước đặt ra là nhiệm vụ cấp thiết,

mang tính quyết định. Vì vậy, việc đánh giá thực trạng công tác đồn điền, đổi thửa để thấy được những khó khăn, vướng mắc và tìm ra được những giải pháp, những bài học kinh nghiệm, từ đó hoàn thiện công tác đồn điền, đổi thửa ở các địa phương là một việc làm thực sự cần thiết.

II. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Nội dung nghiên cứu

- Đánh giá thực trạng công tác đồn điền, đổi thửa theo tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn huyện Thái Thụy.

- Đánh giá những khó khăn vướng mắc gặp phải trong quá trình thực hiện công tác đồn điền, đổi thửa tại huyện.

- Đề xuất một số giải pháp tháo gỡ nâng cao hiệu quả của công tác đồn điền, đổi thửa ở cấp cơ sở

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- *Phương pháp chọn điểm:* Để đảm bảo tính đại diện về vị trí địa lý, công tác đồn điền, đổi thửa theo tiêu chí nông thôn mới đã cơ bản hoàn thành, có tính đại diện về quy mô diện tích, có tính đa dạng về các loại hình sử dụng đất nông nghiệp của vùng, đa dạng về các chủ thể tham gia sử dụng đất chúng tôi tiến hành lựa chọn 3

xã để nghiên cứu là: Thụy Phúc, Thụy An, Thụy Lương.

- *Phương pháp thu thập số liệu thứ cấp*: Sử dụng các tài liệu có liên quan từ các nguồn khác nhau: Phòng tài nguyên môi trường, phòng thống kê, các xã... Các văn bản pháp quy có liên quan đến việc sử dụng đất đai, các báo cáo của các cấp chính quyền địa phương về tình hình sản xuất nông nghiệp, các văn bản, tài liệu có liên quan đến công tác chuyển đổi ruộng đất, đồn điền, đổi thửa từ trước đến nay.

- *Phương pháp điều tra đánh giá nông thôn*

có sự tham gia PRA: Sử dụng phiếu điều tra đã được thiết kế sẵn để phỏng vấn. Trong mỗi xã lựa chọn 10 hộ có các loại hình sử dụng đất nông nghiệp đặc trưng của vùng, tham gia trực tiếp đồn điền đổi thửa để điều tra, khảo sát.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Kết quả thực hiện đồn điền, đổi thửa trên địa bàn huyện Thái Thụy

Thái Thụy với chủ trương tiến hành công tác đồn điền đổi thửa (DĐĐT) 2 đợt: đợt 1 năm 2011, đợt 2 năm 2012 với kết quả đạt được qua các đợt như sau:

Bảng 1. Tiến trình đồn điền, đổi thửa trên địa bàn huyện

Nguồn: UBND huyện Thái Thụy

	Tiêu chí	ĐVT	2011	2012
Công tác DĐĐT và thực hiện giao đất ngoài thực địa	Số xã phải thực hiện	<i>xã</i>	22	26
	Đã thực hiện xong	<i>xã</i>	20	23
	Số thửa giảm được	<i>Thửa</i>	82.617	84.133
Công tác đào đắp giao thông, thủy lợi	Khối lượng GT, TL cần đào đắp	<i>m³</i>	2.362.238	2.593.983
	Khối lượng GT, TL hoàn thành	<i>m³</i>	1.205.492 (51,03%)	1.756.394 (67,7%)
Công tác dồn chuyển đất 5% vào các vị trí quy hoạch CTCC	Diện tích cần quy hoạch	<i>ha</i>	113,51	146,87
	Diện tích đã quy hoạch được	<i>ha</i>	79,38 (69,93%)	95,29 (64,88%)
Đóng góp của người dân trong công tác đào đắp GT, TL	Diện tích đóng góp	<i>ha</i>	252,26	301,22
	Diện tích đóng góp nhiều nhất	<i>m²/khẩu</i>	38	40
	Diện tích đóng góp ít nhất	<i>m²/khẩu</i>	11	10
	Kinh phí phải đóng góp	<i>tỷ đồng</i>	57,1	63,24
	Kinh phí đóng góp được	<i>tỷ đồng</i>	29,5 (51,66%)	45,79 (72,4%)
	Số tiền đóng góp cao nhất	<i>đ/sào</i>	450.000	450.000
Tiền đóng góp thấp nhất	<i>đ/sào</i>	100.000	100.000	

Công tác dồn điền đổi thửa và giao đất ngoài thực địa trên địa bàn huyện đến hết năm 2012 đã cơ bản hoàn thành với 23/26 xã, số thửa đã giảm được 84.133 thửa so với trước khi thực hiện đồn điền đổi thửa.

Tiến độ hoàn thành đào đắp giao thông, thủy lợi nội đồng của các xã hầu hết đều làm được trên 50% khối lượng. Năm 2011, các xã

đạt 51,03% đào đắp, 69,93% diện tích đất cần quy hoạch và 51,66% lượng kinh phí phải đóng góp. Do học hỏi kinh nghiệm từ các xã đã dồn đổi năm 2011, đến năm 2012, khối lượng đào đắp kênh mương đạt được 67,7%, 64,88% diện tích đất cần quy hoạch và 72,4% lượng kinh phí cần đóng góp.

Bảng 2. Kết quả đạt được trong công tác DĐĐT của toàn huyện

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Trước DĐĐT	Sau DĐĐT	So sánh Tăng (+) Giảm (-)
1	Tổng số hộ sử dụng đất NN	hộ	54.050	54.050	0
2	Tổng số thửa đất NN	thửa	243.202	76.452	-166.750
3	Bình quân thửa/hộ	thửa/hộ	4,5	1,4	-3,08
4	Số hộ sử dụng 1 thửa	hộ	0	31.008	31.008
5	Số hộ sử dụng 2 thửa	hộ	838	22.002	21.164
6	Số hộ sử dụng 3 thửa	hộ	4.324	290	-4.034
7	Số hộ sử dụng 4 thửa	hộ	16.458	287	-16.171
8	Số hộ sử dụng 5 thửa	hộ	32.430	463	-31.967
8	Bình quân diện tích trên thửa	m ² /thửa	463	1.650	+1.187
9	Tổng số diện tích kênh mương	ha	142	184	42
10	Tổng diện tích giao thông nội đồng	ha	230	276	46

Nguồn: UBND huyện Thái Thụy

Như vậy về cơ bản công tác DĐĐT trên địa bàn huyện đã tương đối hoàn thiện. Sự mạnh mẽ về số thửa/ hộ giảm từ 4,5 thửa/hộ xuống 1,4 thửa/ hộ và diện tích bình quân trên thửa tăng từ 463m² lên 1650m², tạo điều kiện cho phát triển vùng sản xuất hàng hóa, áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp đem lại hiệu quả sử dụng đất cao và giải phóng sức lao động.

3.2. Kết quả thực hiện dồn điền, đổi thửa trên địa bàn các xã điều tra

3.2.1. Thực trạng ruộng đất trước và sau dồn điền, đổi thửa

Sau đợt DĐĐT năm 2002 Thụy An, Thụy Lương và Thụy Phúc đều đã giảm sự mạnh mẽ, số thửa/hộ giảm từ trên 7 thửa/hộ xuống còn 4,4 - 4,7 thửa/ hộ. Diện tích/thửa đã tăng lên đáng kể không còn tình trạng quá mạnh mẽ, nhưng công tác DĐĐT năm 2002 chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển vùng hàng hóa, chưa tạo điều kiện thuận lợi cho áp dụng khoa học kỹ thuật, đưa máy móc vào đồng ruộng. Do vậy, việc dồn đổi lần này với mục tiêu DĐĐT theo tiêu chí nông thôn mới đáp ứng được những khó khăn còn tồn tại trong sản xuất nông nghiệp.

Bảng 3. Thực trạng ruộng đất trước và sau DĐĐT tại các xã nghiên cứu

Chỉ tiêu	ĐVT	Thụy An			Thụy Lương			Thụy Phúc		
		Trước DĐĐT	Sau DĐĐT	So sánh	Trước DĐĐT	Sau DĐĐT	So sánh	Trước DĐĐT	Sau DĐĐT	So sánh
1. Đất nông nghiệp	ha	267,25	261,75	-2,06%	318,62	267,25	-16,12%	217,21	207,16	-4,6%
2. Tổng số hộ được chia ruộng	hộ	1.279	1279	0	1.175	1.175	0	1.065	1.065	0
3. Tổng số thửa đất	thửa	5.756	1662	-71,13%	5.287	1.997	-62,22%	4.710	1.123	-76,15%
4. Số thửa bình quân/hộ	thửa/hộ	4,5	1,3	-3,46 lần	4,5	1,7	-2,65 lần	4,7	1,4	-3,21 lần
5. Diện tích bình quân/thửa	m ² /thửa	464,3	1.575	3,39 lần	602	1.337,9	2,22 lần	461,1	1.844,7	4 lần

Nguồn: số liệu điều tra

Qua số liệu điều tra cho thấy, sau DĐĐT theo tiêu chí nông thôn mới số lượng thửa/hộ đã giảm từ 4,5 đến 4,7 thửa/hộ xuống còn 1,3 đến 1,4 thửa/hộ. Như vậy hiện tại mỗi hộ chỉ còn ít nhất là 1 thửa, nhiều nhất là 2 thửa, số hộ 1 thửa nhiều hơn số hộ có 2 thửa. Diện tích/thửa tăng đáng kể nhất là xã Thụy Phúc diện tích/thửa đã tăng từ 461,1 m²/thửa lên 18.844,7 m²/thửa, như vậy diện tích tăng gấp 4 lần. Thửa ruộng lớn tạo điều kiện thuận lợi cho áp dụng khoa học kỹ thuật, máy móc vào sản xuất nâng cao hiệu quả sản

xuất nông nghiệp hình thành vùng sản xuất hàng hóa lớn.

3.2.2. Ảnh hưởng của việc dồn điền đổi thửa đến sự thay đổi của hệ thống giao thông nội đồng

Các xã đã tiến hành chỉnh trang đồng ruộng, quy hoạch lại hệ thống giao thông, thủy lợi nhằm tạo ra điều kiện sản xuất nông nghiệp tốt nhất. Đường giao thông nội đồng trước khi DĐĐT nhiều và nhỏ, kênh mương dày đặc, không được cứng hóa, nhất là đường bờ thửa, kênh nhỏ đi kèm với bờ thửa dẫn nước đến từng thửa chiếm diện tích rất lớn.

Bảng 4. Diện tích giao thông, thủy lợi nội đồng trước và sau dồn điền, đổi thửa

Nguồn: Số liệu điều tra

Loại đất	Tên xã	Trước DĐĐT (ha)	Sau DĐĐT (ha)	Diện tích tăng (ha)	Tỷ lệ tăng (%)
Giao thông	Thụy Phúc	4,628	6,376	1,75	37,77
	Thụy Lương	4,928	5,986	1,06	21,47
	Thụy An	4,265	6,955	2,69	63,07
Thủy lợi	Thụy Phúc	3,15	4,126	0,97	30,98
	Thụy Lương	3,89	4,759	0,86	22,15
	Thụy An	4,57	5,538	0,97	21,26

Các xã đã thực hiện quy hoạch lại toàn bộ hệ thống giao thông, thủy lợi, phá bỏ hết những đường, kênh cũ không phù hợp với sản xuất, thiết kế làm lại đường và kênh mương lớn dẫn nước thuận lợi tưới tiêu và chuyên chở nông sản. Đối với các xã nghiên cứu diện tích giao thông xã Thụy An tăng 63,07% và thấp nhất là Thụy Lương tăng 21,47%, diện tích thủy lợi xã Thụy Phúc tăng 30,98% và xã ít nhất là Thụy An chỉ tăng 21,26% so với trước khi dồn điền đổi thửa.

Tuy nhiên, kinh phí để đào đắp, cứng hóa hệ thống kênh mương là rất lớn, huy động nhân dân đóng góp nhiều, mà kinh phí hỗ trợ của nhà

nước thì có hạn do vậy chỉnh trang đồng ruộng cần được hoàn thiện trong thời gian dài, cần có sự hỗ trợ hơn nữa của nhà nước.

3.2.3. Kết quả sản xuất nông nghiệp sau khi dồn điền, đổi thửa

Dồn điền, đổi thửa đặt ra nhiệm vụ quy hoạch được vùng chăn nuôi xa khu dân cư và có hiệu quả cao được các xã thực hiện vẫn hạn chế rất lớn. Các xã nghiên cứu mới chỉ chủ yếu chú trọng vào việc dồn đổi đất canh tác trồng lúa, cây màu mà không phát triển được vùng chăn nuôi tập trung. Đây là một hạn chế lớn cần được khắc phục trong thời gian tới.

Bảng 5. Số lượng gia trại, sản lượng gia súc, gia cầm trước và sau DĐĐT của các xã điều tra

Đơn vị: (tấn)

Chi tiêu xã	Trước DĐĐT				Sau DĐĐT			
	Số GT	SL gia súc	SL gia cầm	SL cá	Số GT	SL gia súc	SL gia cầm	SL cá
Thụy Phúc	3	22,62	13,83	12,45	5	39,63	23,45	21,68
Thụy Lương	6	47,17	25,75	19,63	9	80,64	37,86	28,52
Thụy An	85	517,35	275,21	209,64	156	1.034,71	550,32	397,12

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu điều tra

Trong số các xã tiến hành điều tra thì Thụy An là xã đã thành công nhất trong việc hình thành các gia trại. Xã đã tiến hành quy hoạch vùng có diện tích đất xấu, đất khó giao và xa khu dân cư thành khu phát triển chăn nuôi. Thành công của xã đã đạt được với 85 gia trại được hình thành năm 2003, tiếp tục phát huy được thành công này tổng số gia trại sau dồn đổi theo tiêu chí nông thôn mới lần này tăng lên là 156 gia trại, việc chuyển đổi này mang lại giá trị kinh tế cao. Đã giải quyết được 3 vấn đề: Một là, tăng được hiệu quả sử dụng đất cho những nơi đất xấu không thích hợp để trồng cây; Hai là, đáp ứng được nhu cầu, tâm tư, nguyện vọng của người dân mong muốn được chăn nuôi quy mô, công nghiệp cải thiện đời sống kinh tế; Ba là, chuyển hoàn toàn được chăn nuôi nhỏ lẻ, hộ gia đình trong khu vực dân cư sinh sống ô nhiễm môi trường ra giữa cánh đồng cách xa khu dân cư.

3.3. Một số khó khăn vướng mắc và giải pháp tháo gỡ trong quá trình thực hiện công tác dồn điền, đổi thửa ở cấp cơ sở

3.3.1. Một số khó khăn, vướng mắc

- Một số người dân vẫn còn tư tưởng không muốn bỏ thửa ruộng đã đầu tư vào đó nên không muốn DĐĐT. Lo nhận được thửa ruộng không như ý do đó dù được tuyên truyền và hiểu được lợi ích của DĐĐT nhưng vẫn rất khó khăn để thuyết phục.

- Vấn đề đóng góp kinh phí từ người dân rất chậm trễ, khó khăn. Có khi tập thể đa số đã đồng ý về mức đóng góp, thời gian đóng góp, đã ghi thành biên bản họp và Nghị quyết để thực hiện nhưng một số hộ vẫn không đóng góp công lao động và tiền.

- Trước đây một số kênh, mương đã được cứng hóa nhưng lại không phù hợp với quy hoạch giao thông, thủy lợi nội đồng. Nếu phá bỏ thì lãng phí, mà không theo quy hoạch thì không được nhận hỗ trợ kinh phí. Do đó rất khó khăn cho các cấp cơ sở, hiệu quả chỉnh trang đồng ruộng thấp.

- Kinh phí chỉnh trang đồng ruộng rất lớn gây khó khăn trong việc vận động người dân tự nguyện DĐĐT, trong khi kinh phí Nhà nước hỗ trợ có hạn.

- Sau khi đã DĐĐT xong, thiếu kinh phí để chỉnh trang đồng ruộng, cứng hóa kênh mương và đường giao thông nội đồng. Tỉnh hỗ trợ 600 triệu/xã trong đó 100 triệu DĐĐT, 500 triệu dành cho chỉnh trang đồng ruộng nhưng trên thực tế số tiền cần cho công tác DĐĐT mất 180 triệu/xã và chỉnh trang đồng ruộng mất 1,8 tỷ/xã đến 2 tỷ/xã. Do đó việc DĐĐT vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn.

- Vẫn chưa đủ kinh phí để chỉnh lý hồ sơ địa chính phục vụ công tác cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân dẫn đến hạn chế quyền của người dân, giảm hiệu quả công tác xây dựng nông thôn mới.

- Sau DĐĐT vẫn chưa tìm được đầu ra ổn định cho nông sản. Mỗi hộ chỉ sản xuất chủ yếu 1 đến 3 loại nông sản với sản lượng nhiều hơn trước. Hiện tại chủ yếu vẫn là tiêu thụ sản phẩm tự túc, giá cả bấp bênh phụ thuộc vào thị trường.

3.3.2. Một số giải pháp khắc phục những khó khăn vướng mắc trong công tác DĐĐT

- Đối với khó khăn một số hộ không muốn dồn điền, đổi thửa. Sau khi tuyên truyền, vận động, các thôn đưa công tác DĐĐT ra họp bàn trên cơ sở tự do, dân chủ theo nguyên tắc “thiểu số phục tùng đa số”. Sau khi mọi người đã nhất trí ủng hộ ghi thành biên bản, Nghị quyết thôn để thống nhất thực hiện.

- Khắc phục việc chậm trễ nộp kinh phí của người dân các xã đã vận động người dân, tuyên truyền cho họ hiểu rõ lợi ích của chính họ khi thực hiện DĐĐT, tác động từ họ hàng, làng xóm theo tập thể. Nếu vẫn không đóng góp dùng biện pháp: Chốt hạn nộp kinh phí, tổ chức lao động, nếu quá hạn vẫn không đóng góp thì những hộ đó phải nhận phần ruộng xấu, ở xa nhất trên cơ sở công bằng, gắn trách nhiệm với quyền lợi, người không đóng góp sẽ được hưởng ít lợi ích.

- Để tránh lãng phí giữ lại 1 phần giao thông, thủy lợi đã cứng hóa, các xã sau khi nghiên cứu phương án quy hoạch, trình lên cấp trên về thực trạng hệ thống giao thông, thủy lợi nội đồng và giải pháp giữ lại một số công trình có giá trị cao hòa nhập phù hợp với giao thông, thủy lợi nội đồng mới, xin cấp trên xem xét để giải quyết.

- Sử dụng tiết kiệm nhất lượng kinh phí bỏ ra chỉnh trang đồng ruộng các xã xây dựng các phương án DĐĐT có quy hoạch giao thông, thủy lợi nội đồng thuận lợi phục vụ sản xuất. Đưa ra bàn bạc trong các cuộc họp cho các hộ dân so sánh, quyết định chọn phương án có kinh phí thấp nhất nhằm giảm tối đa kinh phí phải đóng góp và người dân thấy được quyền làm chủ thì họ sẽ có ý thức hơn trong việc đóng góp.

- Nhằm khắc phục khó khăn thiếu kinh phí làm giao thông, thủy lợi gây mất lòng tin ở một bộ phận dân chúng. Các thôn phản ánh thực trạng và đề nghị các cấp chính quyền huyện, tỉnh xem xét, bổ sung kinh phí để các xã hoàn thành giao thông, thủy lợi nội đồng phục vụ sản xuất. Các cán bộ thôn, xóm thường xuyên họp bàn, nói chuyện với các hộ dân, tuyên truyền để họ hiểu được DĐĐT cần có kinh phí lớn phải có thời gian để huy động, đồng thời lên kế hoạch thực hiện cứng hóa giao thông, thủy lợi nội đồng để người dân được an tâm, tin tưởng.

- Đối với việc chưa hoàn thành cấp GCNQSDĐ các xã đã trình và xin UBND huyện xem xét, bổ sung kinh phí, hỗ trợ thêm kỹ thuật cho công tác chỉnh lý hồ sơ địa chính và cấp GCNQSDĐ cho người dân, cố gắng hoàn thành trong thời gian sớm nhất.

- Đối với đầu ra cho nông sản hiện các hợp tác xã đang cố gắng liên hệ bao tiêu sản phẩm với nhà máy, xí nghiệp chế biến nông sản. Tìm nguồn cung cấp cả giống, phân bón, hỗ trợ kỹ thuật cho bà con và đảm bảo việc bao tiêu sản phẩm ổn định để bà con yên tâm sản xuất.

Khuyến khích những hộ tư nhân nhỏ lẻ, đầu mỗi thu mua nông sản của các hộ dân.

IV. KẾT LUẬN

Kết quả công tác dồn điền, đổi thửa huyện Thái Thụy đã làm tăng đáng kể quy mô diện tích thửa và giảm số thửa/hộ. Hoàn thành 43 xã trên tổng số 46 xã phải thực hiện DĐĐT. Các xã đã hoàn thành chia ruộng, diện tích bình quân/thửa tăng từ 3 lần đến 4 lần. Số thửa đất bình quân/hộ giảm từ 3 lần đến 4 lần. Số thửa bình quân trên hộ trước chuyển đổi là 4,5 thửa/hộ thì sau chuyển đổi bình quân chỉ còn 1,3 thửa/hộ.

Quy hoạch được hệ thống giao thông, thủy lợi nội đồng tiết kiệm, phù hợp, đảm bảo được điều kiện tốt nhất phục vụ sản xuất cho các hộ dân. Sau khi quy hoạch, thửa ruộng nào cũng giáp kênh tưới tiêu và đường bờ lớn được cứng hóa. Tuy nhiên thiếu kinh phí thực hiện nên người dân phải đóng góp nhiều, tiến độ chậm gây khó khăn cho sản xuất.

Tuy nhiên, nhiều địa phương chưa khuyến khích phát triển mô hình trang trại, gia trại, chưa đưa được chăn nuôi ra khỏi khu dân cư theo tiêu chí nông thôn mới. Chưa tìm được đầu ra ổn định cho nông sản. Đa số các địa phương chưa hoàn thiện công tác đo vẽ lại ruộng đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân. Vấn đề ô nhiễm môi trường, phát triển bền vững vẫn còn chưa được thực sự quan tâm và đòi hỏi phải tập trung giải quyết.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thị Kiều Oanh (2013), *Đánh giá thực trạng công tác dồn điền đổi thửa tại huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình*, Khóa luận tốt nghiệp, trường Đại học Lâm nghiệp Hà Nội, 2013.

2. UBND tỉnh Thái Bình (2011), *Quyết định số 214/QĐ-UBND ngày 15/02/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đề án dồn điền đổi thửa đất nông nghiệp thực hiện quy hoạch nông thôn mới*.

3. UBND tỉnh Thái Bình (2011), *Kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2011 của UBND tỉnh Thái Bình về dồn điền, đổi thửa đất nông nghiệp thực hiện quy hoạch xây dựng nông thôn mới*.

4. UBND huyện Thái Thụy (2011), *Kế hoạch số 19/KH – UBND về việc thực hiện dồn điền đổi thửa đất nông nghiệp thực hiện quy hoạch nông thôn mới trên địa bàn huyện Thái Thụy.*

5. UBND huyện Thái Thụy (2012), *Báo cáo tiến độ thực hiện đề án dồn điền đổi thửa đất nông nghiệp theo*

tiêu chí nông thôn mới năm 2012.

6. UBND huyện Thái Thụy (2012), *Báo cáo kết quả thực hiện công tác dồn điền đổi thửa theo tiêu chí nông thôn mới đến nay và kế hoạch thực hiện trong giai đoạn tới.*

ASSESS THE STRATUS OF LAND CONSOLIDATION IN THAI THUY DISTRICT, THAI BINH PROVINCE

Pham Thanh Que, Nguyen Ba Long, Nguyen Thi Kieu Oanh

SUMMARY

The land consolidation is a major policy of the State to address land fragmentation. The tasks of land consolidation have been done in many localities through the nation. On the Thai Thuy district, this work was done from 2002, however the efficiency achievement is unsatisfactorily. By 2011, along with the implementation of the new rural development, the land consolidation continued to be implemented in the whole district. After the land consolidation, the number of plots per household decreased from 4.5 plots per household to merely 1.4 plots per household; the number of area per plot increased from 463m² to 1650m²; transportation and infield irrigation system is planned to ensure that fields are adjacent to trunk roads; after incremental change the amount of camps according to new criteria increased, that has created favorable conditions for production and minimizing environmental pollution.

Keyword: *Agricultural land, agricultural production, land, land consolidation, conversion*

Người phản biện: TS. Nguyễn Minh Thanh

Ngày nhận bài: 06/01/2014

Ngày gửi phản biện: 25/02/2014

Ngày quyết định đăng: 07/3/2014